

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục Trường mầm non Hoa Quỳnh, năm học 2024 – 2025

STT	NỘI DUNG	NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. - Đảm bảo: 60% - 70% kcal/ngày/trẻ - Khám sức khỏe: 1 năm 1 lần - Trẻ tăng cân đều hàng quý - Giảm Suy dinh dưỡng nhẹ cân: 100% - Giảm Suy dinh dưỡng thấp cân: 100% - Giảm Suy dinh dưỡng thể còi: 100% - Giảm thừa cân béo phì: 50%	- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. - Đảm bảo 50% - 55% kcal/ngày/trẻ - Khám sức khỏe: 1 năm 1 lần - Trẻ tăng cân đều hàng quý - Giảm Suy dinh dưỡng nhẹ cân: 100% - Giảm Suy dinh dưỡng thấp cân: 100% - Giảm Suy dinh dưỡng thể còi: 100% - Giảm thừa cân béo phì: 50%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình giáo dục mầm non.	- Thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình giáo dục mầm non.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Lĩnh vực phát triển thể chất: 97%. - Lĩnh vực nhận thức: 96% - Lĩnh vực ngôn ngữ: 96% - Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: 96%	- Lĩnh vực phát triển thể chất: 95%. - Lĩnh vực nhận thức: 96% - Lĩnh vực ngôn ngữ: 96% - Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội: 96% - Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ: 96%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- 100% trẻ tham gia hoạt động lễ hội - 100% Trẻ tích cực tham gia phong trào	- 100% trẻ tham gia hoạt động lễ hội - 100% trẻ tham gia các hoạt động học tập bên ngoài nhà trường. - 100% Trẻ tích cực tham gia phong trào .

Gò Vấp, ngày 20 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hạnh

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục Trường mầm non Hoa Quỳnh, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	250		15	15	55	78	87
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	250		15	15	55	78	87
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	250		15	15	55	78	87
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	250		15	15	55	78	87
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	250		15	15	55	78	87
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường							
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường							
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi							
5	Số trẻ thừa cân béo phì							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	30						
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	220						

Gò vấp, ngày 20 tháng 6 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hạnh

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục Trường mầm non Hoa Quỳnh, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	12	10.7m ² / trẻ
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	12	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	1.240.9 m ²	4.1 m ² / trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	1.220 m ²	4.0 m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	1.093 m ²	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	958.1 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	133 m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	56 m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	71 m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	113.8 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	1344	Nhà trẻ: 158 Mầm: 312 Chồi: 378 Lá: 496
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	33 bộ	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu		

	so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	14	7 bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử - tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	Máy vi tính: 10 Máy chiếu: 1 Bảng tương tác: 1	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	82	Số thiết bị/nhóm (lớp)

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	22.7 m ²		104.9 m ²		0.24 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Gò Vấp, ngày 20 tháng 6 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
 (Đã ký)
Nguyễn Thị Thu Hạnh

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của Trường Mầm non Hoa Quỳnh, năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	32													
I	Giáo viên	18			10	7	1		1	16	1	2	4	12	
1	Nhà trẻ				2	2				4		1		3	
2	Mẫu giáo				8	5	1		1	12	1	1	4	9	
II	Cán bộ quản lý	3		2	3						3	3			
1	Hiệu trưởng			1	1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng			1	2						2	2			
III	Nhân viên	11			1	1	2	7							
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác	8					1	7							

Gò Vấp, ngày 20 tháng 6 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hạnh